

Bản án số: 08/2022/HC-ST

Ngày 06- 5 - 2022

*“V/v khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Thương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Quy;

Bà Phan Thị Gái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Ông Lê Xuân An - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 31/2021/TLST-HC ngày 26 tháng 10 năm 2021, về việc *“Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST- HC ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Lê Văn Q và bà Lê Thị H, địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, địa chỉ: Số 45 đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Võ Quốc H, chức vụ và đơn vị công tác: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Ông Đoàn Xuân T, chức vụ và đơn vị công tác: Phó Trưởng Phòng quản lý đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp nông nghiệp B (gọi tắt HTXB), địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Mậu H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị- Giám đốc Hợp tác xã; có mặt

4. *Người làm chứng:*

- Ông Lê Cảnh D, địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Ông Lê Cảnh H, địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện ông Lê Văn Q và bà Lê Thị H trình bày:

Gia đình ông Lê Văn Q và bà Lê Thị H đi kinh tế mới vào năm 1992, khai hoang làm rừng PAM 4304 ở xã T với diện tích 16.363m², vì điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2003, các hộ gia đình bỏ vùng kinh tế mới trở về quê hương, riêng ông Q vẫn ở lại làm ăn tại khu kinh tế mới Tây P. Hợp tác xã B xin dự án trồng rừng phòng hộ 661, ông Q góp vốn đầu tư đất cho Hợp tác xã, lợi nhuận cây chia 50%, ông Q, bà H sử dụng trồng tràm ổn định liên tục từ năm 1995 đến nay. Việc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 1824884 cho Hợp tác xã B là không đúng bởi vì: UBND tỉnh không thu hồi phần đất 16.363m² tại địa bàn xã T mà ông Q, bà H đã sử dụng ổn định từ năm 1995 cho đến nay; việc Hợp tác xã B thu hồi đất của ông Q, bà H là không đúng pháp luật; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Hợp tác xã B không ký hộ liên kê, giáp ranh, giả mạo chữ ký trên diện tích 77,2443ha, trong đó có diện tích đất 16.363m² của ông Q và bà H. Khi làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp tác xã không thông báo cho các hộ dân có rừng trồng trên đất tại địa bàn xã T; ông Q và bà H tranh chấp đất với Hợp tác xã B vào năm 2013 với diện tích là 4ha và ngày 08/01/2016, UBND tỉnh Quảng Trị đã có Quyết định số 30/QĐ-UBND giải quyết diện tích là 18.000m² tại địa bàn xã Triệu Ái, thu hồi giao cho UBND xã Triệu Ái giải quyết. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 824884 ngày 02/4/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị cấp cho Hợp tác xã B với diện tích là 16.363m².

Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị trình bày:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Năm 1985, Hợp tác xã B đã sử dụng đất để làm kinh tế trang trại phát triển nông nghiệp tại vùng gò đồi Tây Triệu Phong (làm chuồng trại và khai hoang trồng cỏ chăn nuôi bò; trồng các loại cây ngắn ngày, trồng rừng, chè...). Theo bản đồ quy hoạch đất đai sử dụng làm điểm kinh tế giống bò Sind- Vùng đồi do Hợp tác xã B ký ngày 20/6/1985 và được UBND xã T, UBND huyện P ký xác nhận thì có tổng diện tích khoảng 500 ha. Quá trình sử dụng đất có nhiều biến động qua các thời kỳ và hiện nay, diện tích đất thực tế Hợp tác xã B đang quản lý, sử dụng khoảng hơn 105 ha, trong đó, tại xã T là 77,243 ha và tại xã Triệu Ái khoảng 28 ha.

Đối với 77,243 ha tại xã T, Hợp tác xã B được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 824884 ngày 02/4/2013. Theo đó, đã cấp giấy chứng nhận gồm 10 thửa, thuộc tờ bản đồ số 02, 03, thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2043; hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Quá trình sử dụng đất, trước đây Hợp tác xã B có tranh chấp với các gia đình cá nhân ông Lê Cảnh Hùng, Lê Văn Q, Lê Văn Vinh, Nguyễn Danh Tinh và được UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 08/01/2016.

Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 824884 ngày 02/4/2013 cho Hợp tác xã B để sử dụng vào mục đích trồng rừng sản xuất đã được thực hiện theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2003 và trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, cụ thể:

+ Quá trình đo đạc, lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp tác xã đã rà soát hiện trạng sử dụng đất và phối hợp với UBND xã T xác định cụ thể ranh giới khu đất, lập biên bản xác định ranh giới hiện trạng khu đất có đầy đủ chữ ký của các chủ hộ sử dụng đất liền kề và có xác nhận của UBND xã T.

+ Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khu đất được xác định sử dụng ổn định từ năm 1993, không có tranh chấp, đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai.

Việc ông Lê Văn Q và bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 824884 được UBND tỉnh cấp ngày 02/4/2013 cho Hợp tác xã B là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp nông nghiệp B trình bày:

Về nguồn gốc, quá trình quản lý và sử dụng đất: Thực hiện chủ trương phát triển vùng kinh tế gò đồi, năm 1984-1985 Hợp tác xã B được UBND huyện Triệu Hải giao quy hoạch sử dụng đất làm điểm kinh tế giống bò lai Sind vùng gò đồi phía Tây huyện, diện tích khoảng 500 ha. Bản đồ quy hoạch đất do HTX B lập ngày 20/6/1985 và được UBND huyện Triệu Hải xác nhận. Sau khi quy hoạch đất, Hợp tác xã tổ chức cho bà con xã viên khai hoang đất, xây dựng trang trại làm kinh tế, chăn nuôi bò, trồng ốt, đậu lạc, thuốc lá, trồng rừng.... Năm 1986 - 1987, Hợp tác xã đưa đất vào trồng rừng theo dự án PAM 4304 với diện tích 52,5 ha và Hợp tác xã đã tổ chức cho 17 hộ dân của Hợp tác xã tham gia trồng rừng theo chương trình PAM 4304. Phần diện tích còn lại khoảng 400 ha, năm 1996 Hợp tác xã giao lại cho UBND huyện Triệu Phong để giao lại cho các hộ dân có nhu cầu trồng rừng theo chương trình 327.

Năm 2003, do rừng trồng theo chương trình PAM 4304 không có hiệu quả nên các hộ dân trong đó có hộ ông Lê Văn Q đã giao lại đất cho Hợp tác xã B để thực hiện rừng trồng theo dự án 661. Biên bản bàn giao đất được lập vào ngày 09/3/2003 có ghi rõ: *“Theo chủ trương của huyện, để tạo điều kiện cho các hộ kinh tế mới Tây Triệu Phong có công ăn việc làm, Hợp tác xã giao cho các hộ trồng rừng trong vòng 15 năm, qua thảo luận Hội nghị xét thấy cây không phát triển, các hộ nhất trí giao lại đất cho Hợp tác xã lập hồ sơ thanh lý để trồng rừng phòng hộ”*. Dự án 661, Hợp tác xã đã trồng được 80,8 ha, trong đó 42 ha đất do thanh lý cây bạch đàn thuộc chương trình PAM 2780 và 38,8 ha do thanh lý cây bạch đàn thuộc chương trình PAM 4304. Hiện nay, Hợp tác xã đang quản lý và

sử dụng khoảng hơn 105 ha trồng tràm, bao gồm 77,2443ha ở xã T và 28 ha ở xã Triệu Ai. Đối với diện tích đất 77,2443ha tại xã T, Hợp tác xã đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 824884 ngày 02/4/2013, còn 28 ha ở xã Triệu Ai chưa được cấp.

Về quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Để được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 824884, Hợp tác xã B đã làm đầy đủ các thủ tục theo quy định, UBND xã T đã niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã T trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ của Hợp tác xã B.

Việc ông Q, bà H cho rằng mình sở hữu 16.363m² đất là không có cơ sở vì trong hồ sơ địa chính qua các thời kỳ không có tên ông Lê Văn Q đối với diện tích 16.363m² đất tại thửa số 86, tờ bản đồ số 3, thuộc xã T.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục đảm bảo theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính, bác đơn khởi kiện của ông Lê Văn Q và bà Lê Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ông Lê Văn Q và bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 824884 ngày 02/4/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị cấp cho Hợp tác xã B, trong đó có diện tích 16.363m² thửa số 86, tờ bản đồ số 03 của gia đình ông Q khai hoang sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 824884 ngày 02/4/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 3 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Năm 2016, khi UBND tỉnh Quảng Trị giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa Hợp tác xã B với ông Q, bà H thì ông Q mới biết được diện tích ông bà tranh chấp đã được UBND tỉnh Quảng Trị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hợp tác xã B. Từ năm 2016, Hợp tác xã B bắt đầu khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất tại Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong thì vợ chồng ông Q có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Hợp tác xã B, nhưng trong vụ án dân sự không được Tòa án xem xét

vì không thuộc thẩm quyền. Do đó, khi có Bản án dân sự phúc thẩm ngày 08/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thì ngày 18/11/2021, ông Q và bà H khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về sự vắng mặt của người bị kiện:

Người bị kiện UBND tỉnh Quảng Trị vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 157 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung

[2.1] Về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 52 Luật đất đai năm 2003 thì UBND tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 824884 ngày 02/4/2013 cho Hợp tác xã B là đúng thẩm quyền.

[2.2] Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Ngày 25/10/2012, Hợp tác xã B có đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 772.443m², tờ bản đồ số 2, 3, trong đó có diện tích 16.363m² thuộc thửa số 86, tờ bản đồ số 03 mà ông Q, bà H cho rằng gia đình ông Q khai hoang sử dụng từ năm 1992. Theo phiếu thẩm định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 17/VPĐKQSDĐ ngày 15/3/2013 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị thể hiện khu đất được Hợp tác xã B sử dụng từ trước năm 1993, hiện tại đất đang sử dụng ổn định, không có tranh chấp. UBND xã T lập biên bản xác định ranh giới hiện trạng khu đất có đầy đủ chữ ký của các hộ chủ sử dụng đất liền kề và có xác nhận của UBND xã T. Hợp tác xã B đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 31, Điều 34, Khoản 3 Điều 51 Luật đất đai năm 2003, Điều 19 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định thì UBND tỉnh Quảng Trị đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 824884 ngày 02/4/2013 cho HTX B.

[2.3] Xem xét nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế vùng gò đồi, năm 1984-1985 HTX B đã được UBND huyện Triệu Hải xác nhận diện tích khoảng hơn 500ha để làm trang trại phát triển nông nghiệp, điểm kinh tế giống bò Sind tại vùng gò đồi Tây Triệu Phong (có bản đồ quy hoạch do HTX B ký ngày 20/6/1985 được UBND xã T và UBND huyện Triệu Hải ký xác nhận). Sau khi quy hoạch đất đai, hợp tác xã tổ chức cho bà con xã viên khai hoang đất đai xây dựng kinh tế trang trại.

Từ năm 1986 đến 1987, hợp tác xã đã đưa đất và trồng rừng theo dự án PAM2780 với diện tích 72ha (trồng bạch đàn, thông nhựa, dứa sọt).

Từ năm 1992 đến 1995, thực hiện chủ trương về phủ xanh đất trống đồi núi trọc, hợp tác xã đưa đất vào trồng rừng theo dự án PAM 4304, đồng thời tổ chức cho các hộ dân tham gia trồng rừng theo chương trình PAM 4304 (17 hộ dân được UBND huyện Triệu Phong đưa đi kinh tế mới ở Tây Triệu Phong, trong đó có hộ ông Lê Văn Q).

Năm 2003, việc trồng rừng theo dự án Pam 4304 không có hiệu quả nên các hộ trồng rừng, trong đó có hộ ông Lê Văn Q ký biên bản ngày 09/3/2003 giao

lại đất cho Hợp tác xã B để trồng rừng theo dự án 661. Theo Biên bản trên các hộ, trong đó có hộ ông Lê Văn Q thỏa thuận với nội dung cụ thể như sau: “*Các hộ nhất trí giao lại đất cho Hợp tác xã lập hồ sơ thanh lý để trồng lại theo chế độ rừng phòng hộ....Sau khi trồng mới cây chủ lực rừng phòng hộ, còn lại cây trồng xen thì thu hoạch, số bà con xã viên được hưởng 50% theo diện tích của các hộ trồng cũ của rừng Pam 4304*”.

Theo danh sách giao đất lâm nghiệp từ năm 1993 đến năm 1998, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ không có tên hộ ông Lê Văn Q được giao đất trồng rừng với diện tích 16.363m² đất tại thửa số 86, tờ bản đồ số 3, thuộc xã T.

Năm 2016, Hợp tác xã B khai thác rừng trồng năm 2005 và chuẩn bị trồng mới thì ông Lê Văn Q đến lấn chiếm đất trồng cây trên diện tích 16.363m² nằm trong thửa số 86, tờ bản đồ số 03 và ngăn cản không cho Hợp tác xã B trồng cây.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 10/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong và Bản án dân sự phúc thẩm số 24/2021/DS-PT ngày 08/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã B và buộc vợ chồng ông Lê Văn Q và bà Lê Thị H phải trả cho Hợp tác xã B diện tích 16.363m² thuộc thửa số 86, tờ Bản đồ số 03 tại xã T, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Bản án dân sự phúc thẩm số 24/2021/DS-PT ngày 08/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị có hiệu lực pháp luật.

Như vậy, nguồn gốc đất là do UBND huyện Triệu Hải giao cho HTX B sử dụng để phát triển kinh tế vùng gò đồi. HTX B đã sử dụng đất liên tục từ 1985 đến nay và đã được UBND tỉnh Quảng Trị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2013, trong khi đó ông Lê Văn Q và bà Lê Thị H chưa được cơ quan có thẩm quyền giao diện tích 16.363m² nằm trong thửa số 86, tờ Bản đồ số 03 quản lý, sử dụng và cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nguồn gốc thửa đất là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình.

[3] Từ những phân tích trên, thấy rằng UBND tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 824884 ngày 02/4/2013 cho Hợp tác xã B là đúng quy định pháp luật. Việc ông Q, bà H khởi kiện yêu cầu hủy bỏ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 824884 do UBND tỉnh Quảng Trị cấp ngày 02/4/2013 cho Hợp tác xã B phần diện tích 16.363m² tại thửa số 86, tờ bản đồ số 03 là không có cơ sở.

[4] Về án phí: Người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 31, Điều 34, khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 51, khoản 1 Điều 52 Luật đất đai 2003; Điều 19 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q và bà Lê Thị H về hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 824884 ngày 02/4/2013 do UBND tỉnh Quảng Trị cấp cho Hợp tác xã B đối với phần diện tích 16.363m² thuộc thửa số 86, tờ bản đồ số 03 tại xã T, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Văn Q và bà Lê Thị H phải chịu 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000012 ngày 26/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Ông Q, bà H đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện; người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Kim Thương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa

